

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 05 - 01 - 2022

V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoài Tân**.

2. Ông **Đào Văn Vĩnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Nhiều**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hân**, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXX-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Anh **Phan Thanh T**, sinh năm 1978 và chị **Ngô Thị U**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số 137, ấp Tân Long, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngô Thị U: Anh **Phan Thanh T** (theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020) (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Phan Thanh Tu**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 135, ấp Tân Long, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Thanh Ti**, sinh năm 1980. Số 135, ấp Tân Long, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thanh Ti: Anh **Phan Thanh Tu** (văn bản ủy quyền ngày 03/12/2021) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của của anh Phan Thanh T ngày 26/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là anh nhận chuyển nhượng từ chị ruột anh là bà Phan Thanh Q (Ch) trước năm 2005 và anh đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1663, 1665, 1667, 1668, 1671, 1672, cùng tờ bản đồ số 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 087095 do UBND huyện VL cấp ngày 12/3/2013. Đây là tài sản của anh và chị Ngô Thị U. Quá trình sử dụng đất, anh canh tác ổn định không tranh chấp ranh với những người canh tác đất giáp ranh. Tuy nhiên trước đây gia đình anh có phát sinh tranh chấp chia thừa kế, sau khi bản án có hiệu lực được Thi hành án dân sự huyện VL tổ chức chia đất, cắm ranh. Giáp với phần đất của anh canh tác là đất ông Phan Thanh Tu được chia khi giải quyết vụ án chia thừa kế. Quá trình sử dụng đất, ông Tu tự ý đem trụ đá cắm lấn chiếm sang ranh đất của anh. Khoảng tháng 6/2020, ông Tu đem trụ bê tông đặt lấn sang phần đất ruộng của anh. Khi ông Tu đặt trụ bê tông thì anh không biết vì đất ruộng này anh cho người khác thuê nên không ngăn cản kịp thời, sau đó người thuê đất cho anh biết, chứ từ trước đến nay giữa anh và ông Tu không có thỏa thuận cắm bất kỳ trụ ranh nào. Diện tích đất ông Tu lấn ranh anh theo đo đạc thực tế là 44,3m². Nay anh và chị U yêu cầu ông Phan Thanh Tu trả lại diện tích đã lấn chiếm là 44,3m², rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi ông Tu trả diện tích 15,7m². Đồng thời buộc ông Tu di dời 04 trụ đá đã cắm (trong đó có một trụ đá mà ông Tu cho rằng Thi hành án dân sự huyện VL cắm) ra khỏi đất của anh.

Theo anh Phan Thanh Tu là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thanh Ti là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Nguồn gốc đất anh đang sử dụng giáp ranh với phần đất của anh T đang tranh chấp là do cha mẹ cho, do cha mẹ cho đã lâu nên anh cũng không nhớ thời gian cho và diện tích cho như thế nào, nhưng khi cho thì anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất mà anh giao nộp cho Tòa án là anh đã lập thủ tục cấp đổi, phần đất tranh chấp thuộc thửa 1798, tờ bản đồ số 4, diện tích 13783,7m² do anh Phan Thanh Tu đứng tên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 602622 ngày 26/11/2018, chứ không phải được cấp ban đầu. Phần diện tích anh T sử dụng cạp ranh của anh, anh T cũng được cha mẹ cho như anh một phần, còn một phần anh T trả giá trị cho cha mẹ để được sử dụng. Sau khi anh và anh T có quyền sử dụng đất với các phần đất này thì giữa anh và anh T không có làm ranh giới quyền sử dụng đất, mà các phần đất được phân chia nhau bởi bờ ranh đất có từ trước đó. Tuy nhiên, đối với phần đất của anh, hướng Tây giáp ranh với đất bà Phan Thanh N có trồng một trụ đá có chính quyền địa phương (địa chính) chứng kiến, còn trụ đá phía Đông (giáp đất bà M, anh T) do Chi cục thi hành án dân sự huyện VL cắm, do đó căn cứ vào hai đầu có hai trụ đá này, trong phần đất anh T tranh chấp theo đo đạc thực tế là 44,3m² anh có cắm thêm ba trụ đá nữa, khi cắm ba trụ này là do anh tự ý cắm, không có sự đồng ý của anh T. Song, việc cắm ba trụ này là kéo thẳng hàng của hai trụ đá có trước ở hai đầu ranh đất của anh. Phần đất ruộng anh đang sử dụng, cũng như phần đất ranh mà anh T đang tranh chấp với anh là tài sản riêng của cá nhân anh, chị Ti không có đóng góp tài sản, hay công sức để làm tăng thêm giá trị đất. Anh xác định không có việc anh lấn ranh chiếm 44,3m² đất như anh T trình bày, nên anh không đồng ý theo yêu cầu của anh T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã

thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, xét đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này. Căn cứ vào mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu cung cấp ngày 11/8/2021 thể hiện: Trong diện tích đất tranh chấp 44,3m², có 37m² thuộc thửa 1665, 1667, một phần thửa 1668 của anh Phan Thanh T và 7,3m² thuộc thửa 1798 của anh Phan Thanh Tu. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh Tu giao trả cho anh T diện tích 37m² và di dời 03 trụ đá trả mặt bằng hiện trạng lại cho anh T, không chấp nhận một phần yêu cầu của anh T đối với diện tích 7,3m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đây là quan hệ tranh chấp đất đai, cụ thể là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao trả phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu và anh T, chị U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

[1.3] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U yêu cầu bị đơn giao trả phần đất tranh chấp diện tích 60m². Sau khi có kết quả đo đạc, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao trả phần đất tranh chấp có diện tích theo hiện trạng đo đạc thực tế là 44,3m², nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 15,7m². Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu này.

[1.4] Về tư cách tham gia tố tụng:

Anh Phan Thanh T và anh Phan Thanh Tu đều xác định diện tích đất các bên đang tranh chấp đều cho anh Trần Thanh L thuê để trồng lúa, các đương sự cam kết tự thỏa thuận

với anh L và yêu cầu không đưa anh Trần Thanh L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét diện tích đất của cả nguyên đơn và bị đơn đều do anh L thuê, phần đất tranh chấp nằm trên bờ ranh không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh L, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết đưa anh Trần Thanh L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2021 (bút lục 106-108) và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/8/2021 (bút lục 152), phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông: Giáp với đất của bà Bùi Thị M, Phan Thanh T có số đo 0,30m.
- Hướng Tây: Giáp với đất của anh Phan Thanh Tu, Phan Thanh T có số đo 0,30m.
- Hướng Nam: Giáp với đất của anh Phan Thanh T có số đo 53,52m + 94,47m.
- Hướng Bắc: Giáp với đất của anh Phan Thanh Tu có số đo 83,21m + 64,68m.

Diện tích: 44,3m².

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có các tài sản gồm:

- 03 trụ đá do anh Phan Thanh Tu cắm.
- 01 trụ đá do Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL cắm.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ cho lại một phần, một phần trả giá trị công sức bồi đắp và nhận chuyển nhượng. Như vậy, các đương sự đều thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp, thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét về quá trình đăng ký kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VL cung cấp thể hiện: Hộ anh Phan Thanh T đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 5.082m² tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, anh Phan Thanh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 087095, thửa 1665, 1667, 1668, tờ bản đồ số 4 đối với diện tích đất trên (bút lục 144), đây là tài sản do anh T và chị U tạo dựng và anh Phan Thanh Tu đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 13.783,7m² tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, anh Phan Thanh Tu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 602622, thửa 1798, tờ bản đồ số 4 đối với diện tích đất trên (bút lục 143). Từ lúc được cấp quyền sử dụng đất đến nay, anh T, anh Tu sử dụng ổn định. Do đó, đã phát sinh hiệu lực và có giá trị chứng minh theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 179, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.4] Quá trình sử dụng đất: Hiện trạng phần đất tranh chấp là đê bờ ranh, cả anh Phan Thanh T và anh Phan Thanh Tu đều thống nhất xác định: Có 03 trụ đá do anh Tu cắm và 01 trụ đá do Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL cắm (bút lục 106).

[2.5] Tổng diện tích đất tranh chấp là $44,3\text{m}^2$, trong đó:

- Diện tích 37m^2 , thuộc thửa 1665, 1667 và một phần thửa 1668, tờ bản đồ số 4 do Hộ anh Phan Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất, có vị trí tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất anh T có số đo 0m.

+ Hướng Tây giáp đất anh Phan Thanh Tu, Phan Thanh T có số đo 0,30m.

+ Hướng Bắc giáp đất anh Phan Thanh Tu có số đo $83,21\text{m} + 64,78\text{m}$.

+ Hướng Nam giáp đất anh Phan Thanh T có số đo $53,52\text{m} + 94,47\text{m}$.

Trên phần đất này anh Tu có cắm 03 cây trụ đá.

- Diện tích $7,3\text{m}^2$, thuộc thửa 1798, tờ bản đồ số 4 do anh Phan Thanh Tu đứng tên quyền sử dụng đất có vị trí tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất anh T, bà M có số đo 0,30m.

+ Hướng Tây giáp đất anh Phan Thanh Tu có số đo 0m.

+ Hướng Bắc giáp đất anh Phan Thanh Tu có số đo 64,68m.

+ Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp còn lại có số đo 64,78m.

Trên phần đất này có 01 trụ đá do Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL cắm.

[2.6] Cả anh T và anh Tu đều xác định, phần đất của hai anh trước đây không có trồng trụ ranh. Tuy nhiên, khi Chi cục Thi hành án dân sự cắm một trụ đá, thì anh Tu đã tự ý trồng thêm 03 trụ đá nữa trên bờ đê để làm ranh. Ngoài lời trình bày của đương sự, thì không có bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh các trụ đá được cắm là ranh chính xác để phân định đất của anh T và anh Tu. Vì vậy, căn cứ vào Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/8/2021 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu cung cấp (bút lục 152), có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, chị U đòi anh Tu, chị Ti trả diện tích đất lấn chiếm là 37m^2 , không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, chị U đòi anh Tu trả diện tích đất $7,3\text{m}^2$. Ngoài ra, buộc anh Phan Thanh Tu, chị Nguyễn Thị Thanh Ti di dời 03 trụ đá trên phần diện tích đất 37m^2 .

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 7.435.160 đồng. Anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên anh T phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 3.717.580 đồng, anh Phan Thanh Tu phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng là 3.717.580 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phan Thanh T đã tạm nộp và chi xong, anh Tu có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh T, chị U số tiền 3.717.580 đồng theo quy định Điều 158, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên anh T, chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, anh Phan Thanh Tu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

[4.2] Anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U đã tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008279 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL được chuyển thu án phí.

[5] Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận toàn bộ lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, b, c khoản 1 Điều 99, khoản 1 Điều 179, Điều 202, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U yêu cầu anh Phan Thanh Tu trả diện tích đất 15,7m².

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U đối với anh Phan Thanh Tu về việc tranh chấp Quyền sử dụng đất.

3. Buộc anh Phan Thanh Tu, chị Nguyễn Thị Thanh Ti có trách nhiệm giao trả lại phần đất tranh chấp diện tích 37m² thuộc thửa 1665, 1667, một phần thửa 1668, tờ bản đồ số 4, do UBND huyện VL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 087095 ngày 12/3/2013 cho hộ anh Phan Thanh T, tọa lạc tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu cho anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U.

Đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất anh T có số đo 0m.

+ Hướng Tây giáp đất anh Phan Thanh Tu, Phan Thanh T có số đo 0,30m.

+ Hướng Bắc giáp đất anh Phan Thanh Tu có số đo 83,21m + 64,78m.

+ Hướng Nam giáp đất anh Phan Thanh T có số đo 53,52m + 94,47m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2021 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/8/2021).

4. Buộc anh Phan Thanh Tu, chị Nguyễn Thị Thanh Ti có trách nhiệm di dời: 03 trụ đá trên phần đất 37m² tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

(Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2021)

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U đòi anh Phan Thanh Tu trả lại diện tích 7,3m² thuộc thửa 1798, tờ bản đồ số 4, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 602622 ngày 26/11/2018 cho anh Phan Thanh Tu, tọa lạc tại ấp Béc Hen Lớn, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Đất có vị trí, tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất anh T, bà M có số đo 0,30m.

+ Hướng Tây giáp đất anh Phan Thanh Tu có số đo 0m.

+ Hướng Bắc giáp đất anh Phan Thanh Tu có số đo 64,68m.

+ Hướng Nam giáp phần đất tranh chấp còn lại có số đo 64,78m.

Trên phần đất này anh Tu có 01 trụ đá do Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL cắm.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2021 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 11/8/2021).

6. Về chi phí tố tụng:

6.1. Anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U phải chịu 3.717.580 đồng (Ba triệu bảy trăm mười bảy ngàn năm trăm tám mươi đồng) (đã nộp và chi xong).

6.2. Buộc anh Phan Thanh Tu hoàn trả lại cho anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U số tiền 3.717.580 đồng (Ba triệu bảy trăm mười bảy ngàn năm trăm tám mươi đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Anh Phan Thanh Tu phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

8.2. Anh Phan Thanh T, chị Ngô Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0008279 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

9. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (05/01/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Lê Phan Công Trí